

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS- ST
Ngày 28/11/2018
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Chuông

Ông B Quốc Huy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/ST- DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST- KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Số 32 P, phường Q, quận H, Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị Minh T**- Giám đốc Công ty cổ phần S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đức B**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Văn phòng luật sư 19.8- Số 133 phố T, quận N, Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

(Ông B có mặt, bà T và anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, bản tự khai, biên bản làm việc tại Tòa án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 01/01/2014, Công ty cổ phần S ký hợp đồng mua bán các mặt hàng sơn, bột trát các loại thuộc nhãn hiệu Expo của Công ty 4 O, với đơn giá ghi rõ theo từng hóa đơn bán hàng cho đại lý anh Phạm Văn B. Theo sổ chi tiết công nợ phải thu từ ngày 04/3/2015 đến ngày 09/5/2015, đại lý của anh B còn nợ Công ty cổ phần S số tiền là 29.933.996 đồng. Số tiền nợ 29.933.996 đồng, anh B đã xác nhận tại sổ chi tiết công nợ phải thu từ ngày 04/3/2015 đến ngày 09/5/2015. Từ ngày 09/5/2015 đến nay, Công ty cổ phần S đã nhiều lần liên hệ với anh Phạm Văn B, yêu cầu thanh toán tiền cho Công ty nhưng anh B không thanh toán, không hẹn ngày trả tiền cho Công ty cổ phần S. Vì vậy, Công ty cổ phần S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn buộc anh Phạm Văn B phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền nợ là 29.933.996 đồng. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ của anh B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2018, bị đơn- anh Phạm Văn B trình bày: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa và được xem nội dung đơn khởi kiện, cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn (Công ty cổ phần S). Anh B xác nhận giữa anh và Công ty cổ phần S có số công nợ là 29.933.996 đồng và tài liệu xác nhận nợ giữa hai bên lập ngày 09/5/2015 (do nguyên đơn nộp bản sao tại Tòa án) là đúng thực tế, đúng số nợ của anh B đối với nguyên đơn. Anh không thắc mắc số nợ 29.933.996 đồng mà nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh đã ghi rõ phần cuối của văn bản xác nhận nợ với nguyên đơn ngày 09/5/2015, về việc yêu cầu Công ty cổ phần S cần phải xem xét thanh toán trả anh B giá trị chiếc vé đi Hàn Quốc, do thời gian trước năm 2015 anh B là đại lý bán sơn cho Công ty cổ phần S được hưởng suất đi du lịch Hàn Quốc, nhưng do anh không đi nên được hoàn lại giá trị vé máy bay đi Hàn Quốc là khoảng hơn 28.000.000 đồng. Công ty cổ phần S phải trả lại cho anh B tiền vé này, vì anh là người được thụ hưởng theo chương trình của Tổng công ty sơn Bắc Ninh. Do vậy, quan điểm của anh B là Công ty cổ phần S trả anh tiền vé thì anh sẽ trả khoản nợ tiền hàng mua sơn nêu trên cho Công ty cổ phần S. Còn ngược lại, anh sẽ không đồng ý. Anh sẽ xuất trình tài liệu anh được thụ hưởng tiền vé máy bay do Tổng công ty sơn Bắc Ninh, trả cho anh thông qua nguyên đơn nhận thay anh B.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Bùi Thị T, là vợ anh B trình bày: Đối với khoản tiền nợ nguyên đơn khởi kiện đòi nợ anh B không liên quan đến nghĩa vụ của chị Thỏa, đó là nợ riêng giữa anh B với Công ty cổ phần S.

Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã giao cho anh B quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 20/2018/QĐ- CCTLCC ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, và lập biên bản yêu cầu anh B xuất trình tài liệu chứng minh nguyên đơn nợ tiền vé máy bay đi Hàn Quốc đối với anh B và trong trường hợp có tranh chấp về nợ tiền vé 28.000.000 đồng, thì anh B phải làm thủ tục khởi kiện (yêu cầu phản tố) đối với nguyên đơn theo quy định. Nhưng sau đó anh B không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh và không làm thủ tục khởi kiện theo quy định.

Tại phiên tòa: Đại diện Công ty cổ phần S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và xác định tổng số tiền yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 29.933.996 đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng Điều 357, 430, 434, 440, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

+ Buộc anh Phạm Văn B phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua hàng là 29.933.996 đồng cho Công ty S. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không trả hoặc không trả đầy đủ thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

+ Về án phí: Anh Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.496.699 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần S khởi kiện tranh chấp đòi tài sản (tiền nợ) từ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên. Hiện anh Phạm Văn B đang cư trú tại huyện Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh B theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S buộc anh Phạm Văn B phải trả số tiền nợ 29.933.996 đồng, thì thấy: Căn cứ vào chính lời khai của các đương sự trong vụ án, hợp đồng mua bán hàng hóa và giấy xác nhận nợ giữa bên đã cung cấp và xác nhận tại Tòa án (BL: 01, 02 và 41) thì có căn cứ xác định hiện anh Phạm Văn B có nợ Công ty cổ phần S số tiền từ việc mua hàng

hóa (mặt hàng sơn, bột trát công trình) là 29.933.996 đồng. Anh B xác nhận đây là khoản nợ riêng của anh đối với Công ty cổ phần S nên là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Văn B phải có trách nhiệm thanh toán trả số tiền nợ 29.933.996 đồng cho Công ty cổ phần S;

Về tiền nợ lãi, hiện đại diện nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết là đúng quy định.

Đối với việc anh B có ý kiến và trình bày về việc nguyên đơn còn nợ anh B tiền vé máy bay đi Hàn Quốc năm 2015 là 28.000.000 đồng. Tòa án đã giao cho anh B quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 20/2018/QĐ-CCTLCC ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn và yêu anh B làm thủ tục khởi kiện (yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn), nhưng sau đó anh B không thực hiện quyền khởi kiện, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền mà Công ty cổ phần S nợ tiền vé máy bay đối với anh B. Do đó, không có căn cứ xem xét yêu cầu của anh B. Sau này, nếu anh B có tranh chấp, khởi kiện số tiền nợ vé máy bay đi Hàn Quốc đối với Công ty cổ phần S sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc anh Phạm Văn B phải có nghĩa vụ trả tiền nợ mua hàng cho Công ty cổ phần S là 29.933.996 đồng (*Hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không trả hoặc không trả đầy đủ thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

+ Về án phí: Buộc anh Phạm Văn B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.496.699 đồng (*Một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi chín đồng*);

Hoàn trả lại Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 750.000 đồng (*B trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai số: 0001661 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn.

+ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Phạm Anh Tuyết